TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ- ST
Ngày 30/5/2018
(V/v:Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành.**
- Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Quốc Trị** và ông **Đinh Duy Quyết.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Đoàn Thanh Minh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST - ST, ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị T**, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Xóm 2, thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N.

Bị đơn: Anh **Trịnh Trung H**, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Xóm 2, thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N.

(Chị T, anh H đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/01/2018 và các bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bầy: Chị và anh Trịnh Trung H được tự do tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2012 tại UBND xã G, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với gia đình nhà chồng tại xóm 2, thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đôi khi giữa chị và anh H cũng có mâu thuẫn với nhau nhưng không lớn, vợ chồng không xảy ra va chạm, đánh cãi chửi nhau. Nhưng đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính xuất phát từ việc mâu thuẫn giữa chị với mẹ chồng, trong khi đó anh H lại tỏ ra nhu nhược, không có quan điểm rõ ràng để giải quyết mâu thuẫn giữa chị với mẹ chồng khiến mâu thuẫn giữa chị với mẹ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, dẫn tới tình

cảm vợ chồng trở nên rạn nứt. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mâu thuẫn không khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Trung H.

Về con chung chị T trình bày: Chị và anh H có 02 con chung cháu lớn tên là Trịnh Gia H1, sinh ngày 19/8/2013, cháu nhỏ tên là Trịnh Khánh L, sinh ngày 10/01/2016. Nếu được ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Khánh L, còn anh H nuôi dưỡng cháu Trịnh Gia H1, không ai phải đóng góp tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T xác định vợ chông không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong các bản tự khai, biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Trịnh Trung H trình bày: Anh và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2012 tại UBND xã G, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng mẹ đẻ anh tại xóm 2, thôn T, xã G. Trong cuộc sống đôi khi vợ chồng anh cũng xẩy ra mâu thuẫn với nhau nhưng đều là những mâu thuẫn nhỏ nhặt không đáng kể và vợ chồng đều tự làm hòa được với nhau. Nhưng thời gian gần đây, do phát sinh mâu thuẫn giữa chị T với mẹ đẻ anh và anh chưa tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn này thì chị T đã làm đơn xin ly hôn với anh. Anh nhận thấy vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến phải ly hôn, tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn giữa chị T với mẹ đẻ anh có thể khắc phục được nên anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án kiên trì hòa giải để vợ chồng anh quay về đoàn tụ với nhau.

Về con chung, các thông tin liên quan đến con chung anh H thừa nhận chị T trình bày như nêu trên là đúng. Nếu vợ chồng anh phải ly hôn, thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Anh H xác định không có nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trịnh Trung H có địa chỉ tại xóm 2, thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện V áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đoàn Thị T và anh Trịnh Trung H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 15/11/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tình trạng

hôn nhân giữa chị T và anh H như trình bầy của chị T, anh H, tại các buổi hòa giải, cũng như tại phiên tòa đã thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh H sống cùng với bố mẹ đẻ anh H tại xóm 2 thôn T, xã G. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị T với mẹ chồng (mẹ đẻ anh H), dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, anh H là người đứng giữa chưa tìm ra biện pháp giải quyết mâu thuẫn giữa chị T với mẹ mình thì chị T đã làm đơn xin được ly hôn với anh H. Tại bản tự khai ngày 18/4/2018, và tại phiên tòa chị T khẳng định giữa chị và anh H không sảy ra chuyện đánh cãi chửi nhau. Điều này phù hợp với đơn xác nhận ngày 04/5/2018 do anh H giao nộp cho Tòa án có xác nhận của trưởng thôn T, chi hội trưởng phụ nữ thôn T và UBND xã G, đều xác nhận giữa chị T và anh H không xảy ra mâu thuẫn, va chạm đánh cãi chửi nhau. Như vậy, có thể khẳng định giữa chị T và anh H có phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là tạm thời chưa đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, chị T anh H có khả năng sửa chữa những mâu thuẫn đó. Hơn nữa anh H vẫn còn yêu thương chị T, bỏ qua mọi việc để con có bố mẹ. Mâu thuẫn chính dẫn tới việc chị T xin ly hôn xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị T với mẹ chồng. Đây cũng là mâu thuẫn trong gia đình nhưng không phải là yếu tố chính dẫn tới đỗ vỡ trong hôn nhân giữa chị T, anh H. Không thể xem lý do mà chị T nêu trên để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng, điều đó trái với đạo lý, lương tâm trách nhiệm. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị T chưa thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; vì vậy không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị T để vợ chồng trở lại chung sống đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

[3]. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Đoàn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đoàn Thị T đối với anh Trịnh Trung H.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/04143, ngày 10/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Toà án tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Hà Thiện Thành